

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN  
TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 5 năm 2018

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN  
Năm báo cáo: Năm 2017.

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700289499
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 02033.862229.
- Số fax: 02033.860641.
- Website: Taynamdamai.com.vn.
- Mã cổ phiếu: TND

#### \* Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/09/1999, Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 5700289499 ngày 13/10/2014.

- Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, Công ty hoạt động với mức vốn điều lệ là 6.531.837.535 đồng, hiện nay vốn điều lệ của Công ty đã được nâng lên là 160 tỷ đồng.

- Ngày 26/02/2016 Công ty đăng ký giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán: TND

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ giấy phép đăng ký doanh nghiệp được cấp, Công ty hoạt động với các ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
7	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319

- Địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Trụ sở văn phòng Công ty đặt tại phường Cẩm Sơn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Khai trường sản xuất: Mỏ Tây Nam Đá Mài và Khe Chàm II tại phường Cẩm Tây thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đang đăng ký trên giao dịch trên thị trường Upcom của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của Nhà nước.

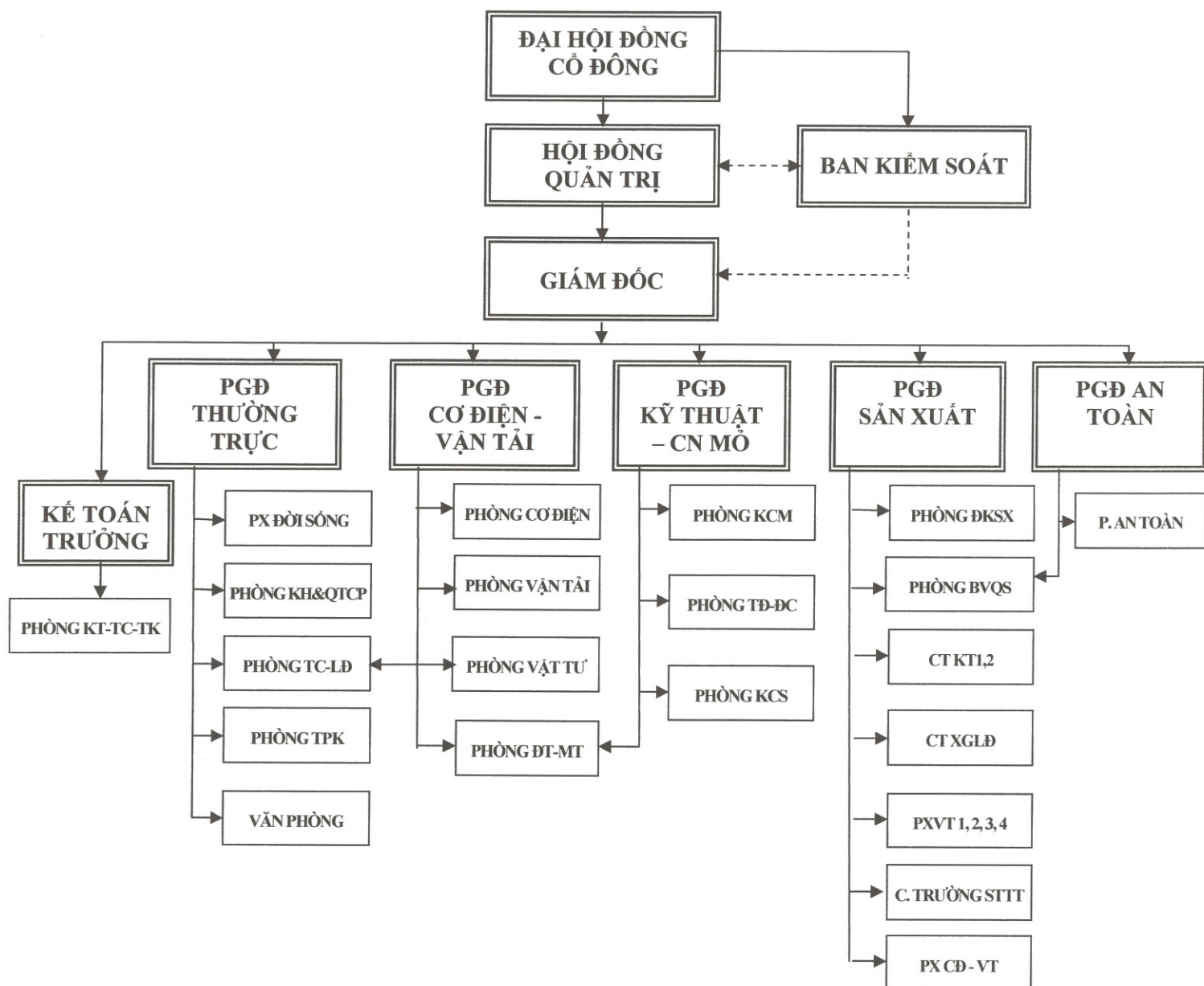
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát, Ban điều hành và bộ phận phòng ban tham mưu giúp việc.

- Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

Sơ đồ tổ chức của Công ty:



➤ Cơ cấu tổ chức của Công ty.



**4. Định hướng phát triển.**

- Năm 2017 và các năm tiếp theo Công ty vẫn tập trung vào ngành nghề kinh doanh truyền thống là khai thác than các loại, tiếp tục mở rộng diện khai thác theo kế hoạch xây dựng giai đoạn 2017-2020. Quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có, quản lý khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tăng cường chế biến sâu đất đá lẫn than, tận thu tài nguyên, nâng cao hệ số thu hồi than đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tiêu thụ theo nhu cầu thị trường. Đảm bảo hiệu quả SXKD, việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.

- Tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin với Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin theo Đề án tái cơ cấu TKV giai đoạn 2017-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ hóa dây truyền công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết kiệm chi phí.



- Sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, có năng lực và hiệu quả cao. Thực hiện công tác đào tạo lại cho CB-CNV, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác mỏ, kỹ năng quản lý,...

- Tổ chức trồng cây, xử lý chất thải nguy hại, thường xuyên quan trắc môi trường và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật về công tác môi trường.

#### 5. Các rủi ro:

Do điều kiện mỏ khai thác lộ thiên nên ảnh hưởng nhiều của các yếu tố về thiên nhiên thời tiết, điều kiện khai thác, diện khai thác chật hẹp, gần khu dân cư...nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM 2017.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh năm 2017 Công ty có nhiều thách thức: (i) Công ty trong diện giám sát đặc biệt nên khó khăn trong công tác huy động vốn, (ii) Khai thác xuống sâu, bãi thải chật hẹp, đường vận tải chỉ có 01 tuyến chính, thiết bị xuống cấp không đầu tư mới, (iii) Diễn biến bất lợi về thời tiết, (iv) Tiêu thụ khó khăn, diễn biến khó lường phụ thuộc thị trường. Để đảm bảo việc làm cho người lao động, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu sản xuất ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua, đặc biệt là hiệu quả sản xuất, lãnh đạo Công ty đã triển khai nhiều phương án, biện pháp phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của thị trường trong tổ chức, điều hành sản xuất.

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017	So thực hiện năm 2016	So KH Năm 2017
1	Than nguyên khai	1000 tấn	1.365	1.350	1.356	99,3	100,5
2	Đất đá bóc CBSX	1000 m3	15.759	15.525	15.584	98,9	100,4
3	Than sạch	1000 tấn	1.119	955	1.103	98,6	115,5
-	Từ nguyên khai SX	"	964	855	947	98,2	110,7
-	Từ CB ĐDLT	"	155	100	156	100,6	155,8
4	Than tiêu thụ	1000 tấn	1.363	1.355	1.357	99,6	100,2
-	Than sạch	"	1.107	955	1.091	98,5	114,3
-	Than nguyên khai	"	256	400	266	103,9	66,4
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.930.533	1.788.078	2.015.101	104,4	112,7
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	49.399	13.979	120.581	244,1	862,6
7	Lao động	Người	1.329	1.392	1.320	99,3	94,8
8	Tiền lương bq	1000đ/n/t	7.123	7.259	8.349	117,2	115,0

Các chỉ tiêu chính của Công ty thực hiện năm 2017 đều đạt và vượt so với năm 2016, đặc biệt về Doanh thu và lợi nhuận. Nguyên nhân chính: Công ty tập trung chế biến và tiêu thụ các loại than tốt, đặc biệt là than cục và than cám chất lượng cao, thực hiện năm 2017: Cục 4: 46.579 tấn, cục 5: 25.243 tấn, cục xô 1b: 3.205 tấn, cám 1: 69.386 tấn, cám 2: 98.396 tấn, cám 3C: 140.697 tấn, đã đáp ứng được yêu cầu về công tác tiêu thụ của Công ty, của TKV, tăng doanh thu, hiệu quả và giảm khối lượng than tồn kho.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

\* Danh sách ban điều hành:

1/ Ông Nguyễn Xuân Lập - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

2/ Ông Vũ Trọng Tuấn - Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

3/ Ông Vũ Văn Huy – Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

4/ Ông Đặng Xuân Vượng – Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

5/ Ông Nguyễn Hòa – Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

6/ Ông Đỗ Văn Kiên – Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

7/ Ông Đinh Văn Chiến – Kế toán trưởng Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty.

- Số cổ phần đang nắm giữ: Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không.

\* Những thay đổi và các Quyết định liên quan trong ban điều hành.

- Từ 01/01/2017 đến 30/4/2017: Ban giám đốc điều hành của Công ty gồm có 5 thành viên: 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Ngày 26/4/2017 HĐQT Công ty ban hành quyết định số 66/QĐ-HĐQT về việc tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Hòa giữ chức vụ PGĐ Công ty kể từ ngày 01/5/2017.

- Ngày 06/ 6/2017 HĐQT Công ty ban hành quyết định số 81/QĐ-HĐQT về việc tiếp nhận và bổ nhiệm ông Đỗ Văn Kiên giữ chức vụ PGĐ Công ty kể từ ngày 06/6/2017.

\* Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Lao động đầu năm 2017: 1.329 người.

- Lao động cuối kỳ 31/12/2017: 1.310 người.



Trong đó: Quản lý gián tiếp: 217 người chiếm 16,6 %.

Lao động công nghệ: 665 người chiếm 50,8 %.

Lao động phục vụ, phụ trợ: 428 người chiếm 32,7 %.

- Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động... luôn được chú trọng.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Kết quả thực hiện công tác đầu tư XDCB năm 2017: 15.381 triệu đồng /15.589 triệu đồng KHĐC đạt 98,66%

- Công ty triển khai công tác đấu thầu và quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật, quy định và hướng dẫn của TKV.

### 4. Tình hình tài chính.

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	1.523.126.027.718	1.468.882.762.956	-3,56
Doanh thu thuần	1.936.292.124.456	2.015.101.748.663	4,07
Lợi nhuận từ hoạt động KD	43.977.635.048	117.170.016.089	166,43
Lợi nhuận khác	5.421.688.336	3.411.494.865	-37,08
Lợi nhuận trước thuế	49.399.323.384	120.581.510.954	144,10
Lợi nhuận sau thuế	89.660.968.863	96.404.292.325	7,52

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,12	0,27	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,05	0,19	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</i>			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	83,47	76,30	
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	505,05	321,92	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	47,23	44,9	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,27	1,37	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</i>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,63	4,78	



Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	35,62	27,69	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,89	6,56	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,27	5,81	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

a/ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần.

b/ Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước: + Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.	10.459.404	65,37%
2	Cổ đông khác	5.540.596	34,63%
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>16.000.000</b>	<b>100%</b>

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e/ Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.**

6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm: 340,56 tỷ đồng.

6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:

- Nhiên liệu: 306,07 tỷ đồng
- Động lực: 18,58 tỷ đồng.

6.3. Tiêu thụ nước:

- Lượng nước ăn công nghiệp mua trong năm 2017: 3.258 m<sup>3</sup> nước, tương ứng 48,7 triệu đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a/ - Số lượng lao động cuối năm: 1.310 người
- Tiền lương bình quân: 8,349 triệu đồng/ người/ tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

Trong năm 2017 Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan tới quyền, lợi ích của người lao động, cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ theo đúng Quy chế cán bộ Công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý lao động, kỷ luật lao động theo đúng với quy định. Bố trí sắp xếp lao động hợp lý, hợp lệ đảm bảo yêu cầu sản xuất. Công tác đào tạo được triển khai kịp thời



-Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động: Công ty đã đóng đầy đủ, kịp thời chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, thực hiện tốt chế độ ăn ca, bồi dưỡng hiện vật cho người lao động, đảm bảo đủ chất, đủ lượng và ATVSTP.

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động: Đã tổ chức tốt việc khám sức định kỳ, khám chuyên ngành, chuyên khoa nữ, đo môi trường lao động, phun thuốc diệt muỗi, giám định bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động cho người lao động; y thực hiện chế độ tham quan nghỉ mát, điều dưỡng.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung được quy định tại Quy chế quản lý lao động, tiền lương; Quy chế thi đua khen thưởng; Nội quy lao động công ty; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế hoạt động xã hội; Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, Công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

- Trong năm 2017 công tác an ninh trật tự trên khai trường mỏ, khu vực văn phòng Công ty và trên địa bàn ranh giới quản lý tài nguyên đảm bảo ổn định, không có vụ việc nổi cộm.

- Công tác môi trường: Thường xuyên duy trì và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật. Trong năm công ty đã thực hiện trồng cây chống bụi, cải tạo phục hồi môi trường, quan trắc môi trường định kỳ, thuê vận chuyển xử lý rác thải, xử lý nước thải.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.

Ngay từ đầu năm 2017, Ban Giám đốc cùng Đảng ủy, HĐQT đã xây dựng và triển khai các giải pháp, biện pháp điều hành sản xuất, quản trị chi phí để hoàn thành kế hoạch được giao, quá trình thực hiện mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã cơ bản hoàn thành được kế hoạch đề ra.

- Trong năm Công ty đã xây dựng 05 chuyên đề nâng cao chất lượng các mặt công tác: (i) Quản trị các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tập trung quản lý, nâng cao chất lượng than khai thác, thực hiện các biện pháp ra than chọn lọc hợp lý nên chất lượng than nguyên khai khai thác đạt theo điều hành của Công ty, (ii) Quản lý và điều hành tốt công tác chất tải nên tỉ lệ âm giữa số đo trắc địa với số thống kê tương đối thấp, (iii) Tăng cường tận thu tài nguyên thông qua việc quản lý tốt tỷ lệ tổn thất trong khai thác và chế biến than sạch triệt để từ đất đá lẫn than, (iiii) Tổ chức sản xuất hợp lý để nâng cao năng suất của máy móc thiết bị, (iiiii) Nâng cao chất lượng khoán quản trị chi phí nội bộ, chú trọng chất lượng công tác khoán cấp công trường, phân xưởng.

- Về Công tác chế biến tiêu thụ than: tập trung điều hành chế biến và tiêu thụ các loại than theo nhu cầu của thị trường, đặc biệt là than cục và than cám chất lượng cao, từ đó tăng doanh thu, hiệu quả và giảm khối lượng than tồn kho.

- Các mặt hoạt động khác từ xây dựng kế hoạch đến chỉ đạo điều hành, tổ chức sản xuất, quản trị chi phí, thực hiện các chính sách đối với người lao động, đến các công tác khác đều có sự phối kết hợp, đồng thuận giữa HĐQT – BKS – Bộ máy điều hành đã thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

#### 2. Tình hình tài chính:

a/ Tình hình về tài sản:

TÀI SẢN	31/12/2016	31/12/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	59.653.090.667	143.094.791.369



TÀI SẢN	31/12/2016	31/12/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.463.472.937.051	1.325.787.971.587
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1.523.126.027.718</b>	<b>1.468.882.762.956</b>

b/ Tình hình về nguồn vốn:

NGUỒN VỐN	31/12/2016	31/12/2017
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.271.390.755.022</b>	<b>1.120.743.197.935</b>
1. Nợ ngắn hạn	506.061.630.732	530.557.365.957
2. Nợ dài hạn	765.329.124.290	590.185.831.978
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>251.735.272.696</b>	<b>348.139.565.021</b>
2. Vốn chủ sở hữu	251.735.272.696	348.139.565.021
3. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.523.126.027.718</b>	<b>1.468.882.762.956</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý.

- Công ty đã sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp. Bố trí cơ cấu lao động hợp lý, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao năng lực quản lý, trình độ tay nghề, tăng NSLĐ, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định cho phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Các biện pháp quản lý: Công ty ban hành các quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của công ty gồm: Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý và sử dụng TSCĐ, Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế quản lý tiền lương, Quy chế đầu tư xây dựng, Quy chế công bố thông tin, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế phối hợp giữa HĐQT – GD với Đảng ủy, Công đoàn... Qua đó làm cơ sở cho Giám đốc điều hành Công ty theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo tốt yêu cầu quản trị Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

- Tiếp tục thực hiện những biện pháp, giải pháp cụ thể để tiết giảm chi phí trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện tăng năng suất lao động đảm bảo tiết giảm chi phí.

- Tiến hành hợp nhất Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin với Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin theo Đề án tái cơ cấu TKV giai đoạn 2017-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, đã chỉ đạo bộ máy điều hành thông qua các Nghị quyết, quyết



định của HĐQT để quản lý Công ty chặt chẽ, đúng pháp luật, minh bạch đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Các thành viên HĐQT đều được thông tin đầy đủ kịp thời, chính xác các hoạt động của Công ty.

- HĐQT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định, các cuộc họp đều mời và có sự tham gia chứng kiến của Ban kiểm soát Công ty, các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT đều được Chủ tịch HĐQT báo cáo HĐQT xem xét quyết định. Trong năm, HĐQT tổ chức 28 cuộc họp thường kỳ và đột xuất, đã ban hành 147 văn bản trong đó có 50 nghị quyết, 42 quyết định và 55 văn bản khác. Các quy chế ban hành: Quy chế khoán quản trị chi phí; Quy chế quản lý mua bán, sử dụng vật tư; Quy chế quản lý lao động và tiền lương; Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế quản lý vật tư. Nội dung các văn bản trên tuân thủ đúng pháp luật, đúng điều lệ Công ty.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

- HĐQT đã tổ chức thực hiện các công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động SXKD của Công ty.

- Bộ máy quản lý đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thực hiện tuyệt đối sự lãnh đạo của HĐQT đồng thời đã chỉ đạo, tổ chức điều hành sản xuất, phối hợp, quan hệ tốt với các đơn vị bạn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Giám đốc và Bộ máy quản lý đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời, điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý, đã đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp để hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã quyết nghị.

## **3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT.**

HQĐT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty.

Chỉ đạo thoái toàn bộ vốn Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thông qua giao dịch trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định có liên quan và đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, tạo sự đoàn kết thống nhất của tập thể CB- NLĐ trong Công ty, tập trung sự lãnh đạo, đề ra các giải pháp, biện pháp kịp thời giúp Ban Giám đốc Công ty tạo sự ổn định và phát triển trong sản xuất kinh doanh.

HQĐT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, xem xét quyết định kịp thời các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT giúp cho Giám đốc Công ty quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất năm 2018 đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2018 thông qua và đảm bảo quyền, lợi ích của các cổ đông Công ty.

Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị sản xuất theo hướng luân chuyển cán bộ một cách hợp lý. Hoàn thiện, xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý của công ty chặt chẽ, nhưng vẫn linh hoạt, phù hợp với quy định mới của pháp luật.



HDQT phối hợp với Đảng uỷ Công ty lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty, tạo các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh,... hoạt động và tham gia quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức.

## **V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

### **1. Ý kiến kiểm toán.**

Số: 37/2018/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**

**Nguyễn Hồng Quang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0576-2018-242-1

**Hoàng Văn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2917-2015-242-1

## **2. Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán.**

a/ Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31-12-17</b>	<b>01-01-2017</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.094.791.369</b>	<b>59.653.090.667</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>227.968.980</b>	<b>354.664.996</b>
Tiền	111	5.1	227.968.980	354.664.996
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>		-
Chứng khoán kinh doanh	121			-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.827.139.100</b>	<b>1.890.186.094</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	66.648.512.836	9.600.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.666	1.631.660.346
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.178.600.598	248.925.748
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>42.324.074.840</b>	<b>32.434.442.757</b>
Hàng tồn kho	141		42.324.074.840	32.434.442.757
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.715.608.449</b>	<b>24.973.796.820</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	15.325.116.237	8.122.758.614
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.932.276.539	13.666.073.641
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	3.458.215.673	3.184.964.565
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.325.787.971.587</b>	<b>1.463.472.937.051</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.326.545.436</b>	<b>23.976.087.569</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	27.326.545.436	23.976.087.569
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.009.338.934.485</b>	<b>1.170.529.213.520</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.7	1.007.515.826.450	1.168.559.900.942
- Nguyên giá	222		2.334.422.053.852	2.373.401.731.899
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.326.906.227.402)	(1.204.841.830.957)
TSCĐ vô hình	227	5.8	1.823.108.035	1.969.312.578



- Nguyên giá	228		2.846.515.014	4.012.689.188
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.023.406.979)	(2.043.376.610)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>741.961.182</b>	<b>1.173.525.729</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	741.961.182	1.173.525.729
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.425.430.000</b>	<b>9.067.141.030</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(9.373.570.000)	(12.731.858.970)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>275.955.100.484</b>	<b>258.726.969.203</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	259.870.673.634	218.465.323.724
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	16.084.426.850	40.261.645.479
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.468.882.762.956</b>	<b>1.523.126.027.718</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31-12-2017</b>	<b>01-01-2017</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.120.743.197.935</b>	<b>1.271.390.755.022</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>530.557.365.957</b>	<b>506.061.630.732</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	235.338.729.203	142.997.029.843
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	23.256.567.174
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	123.007.000	14.388.335.825
Phải trả người lao động	314		31.793.170.606	17.669.904.493
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	40.692.572	316.346.334
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	249.523.320	383.253.258
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	262.410.631.231	306.340.378.002
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		601.612.025	709.815.803
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>590.185.831.978</b>	<b>765.329.124.290</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	590.185.831.978	765.329.124.290
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348.139.565.021</b>	<b>251.735.272.696</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>348.139.565.021</b>	<b>251.735.272.696</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(130.000.000)	(130.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.416.985.238	27.416.985.238
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.783.373.846	44.783.373.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		116.069.205.937	19.664.913.612
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.664.913.612	(69.996.055.251)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.404.292.325	89.660.968.863
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.468.882.762.956</b>	<b>1.523.126.027.718</b>

b/ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>2.015.101.748.663</b>	<b>1.936.292.124.456</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.015.101.748.663</b>	<b>1.936.292.124.456</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.678.204.765.194	1.627.351.272.788
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>336.896.983.469</b>	<b>308.940.851.668</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.484.178.522	747.989.081
Chi phí tài chính	22	6.4	81.050.895.400	106.057.658.614
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.409.184.370	100.613.571.048
Chi phí bán hàng	25	6.7	1.511.419.219	1.369.417.558
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	138.648.831.283	158.284.129.529
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>117.170.016.089</b>	<b>43.977.635.048</b>
Thu nhập khác	31	6.5	3.716.077.057	11.726.722.167
Chi phí khác	32	6.6	304.582.192	6.305.033.831
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.411.494.865</b>	<b>5.421.688.336</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>120.581.510.954</b>	<b>49.399.323.384</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.15	24.177.218.629	(40.261.645.479)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>96.404.292.325</b>	<b>89.660.968.863</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.10</b>	<b>6.025</b>	<b>5.604</b>

c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Theo phương pháp gián tiếp).

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>120.581.510.954</b>	<b>49.399.323.384</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	175.425.693.253	216.990.194.509
Các khoản dự phòng	03	(3.358.288.970)	5.444.087.566
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.099.163.937)	(1.485.555.706)
Chi phí lãi vay	06	84.409.184.370	100.613.571.048
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>373.958.935.670</b>	<b>370.961.620.801</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(63.028.898.657)	259.912.878.641
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(9.889.632.083)	4.407.881.006
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	72.980.245.354	(21.174.695.152)

(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(48.607.707.533)	(48.880.010.667)
Tiền lãi vay đã trả	14	(84.409.184.370)	(100.613.571.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(30.402.576.579)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	230.500.000	73.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.136.670.000)	(6.971.920.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>234.097.588.381</b>	<b>427.312.607.002</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(18.293.913.250)	(140.069.243.885)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.299.357.364	737.566.625
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	843.310.572	747.989.081
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.151.245.314)</b>	<b>(138.583.688.179)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	655.709.900.492	576.063.761.246
Tiền trả nợ gốc vay	34	(874.782.939.575)	(864.550.422.262)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(219.073.039.083)</b>	<b>(288.486.661.016)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(126.696.016)</b>	<b>242.257.807</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>354.664.996</b>	<b>112.407.189</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>227.968.980</b>	<b>354.664.996</b>

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể cổ đông Công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- UB CK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà nội;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, VPHĐQT, website Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Hiếu**